

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26/4/2018

V/v “Tranh chấp Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Thúy**;
2. Ông **Dương Trần Trọng Quang**;

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay xét xử công khai vụ án thụ lý số 85/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST- HNGĐ ngày 10/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Từ Cẩm N**, sinh năm 1969 (Có mặt).

HKTT: Số 166 ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Phan Văn N1**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

HKTT: ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Số 166 ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 27/02/2018 cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị **Từ Cẩm N** trình bày:

Chị với anh Phan Văn N1 sống chung vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T vào năm 1996. Sống hạnh phúc đến cuối năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N1 đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán tài sản gia đình để trả nợ. Không muốn đổ vỡ hạnh phúc gia đình chị cố gắng chịu đựng chung sống để cùng anh N1 lo cho con nhưng anh N1 không thay đổi. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn N1.

- Về con chung: Có 02 con chung Phan Ngọc Khả T, sinh ngày 15/10/1996 và Phan Ngọc Minh T, sinh ngày 04/01/2009. Cháu Khả T đã trưởng thành. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Ngọc Minh T và không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai đề ngày 16/3/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Văn N1 trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Từ Cẩm N về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị. Nay anh trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của Từ Cẩm N.

- Về con chung: Anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Ngọc Minh T, sinh ngày 04/01/2009, anh N1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh N1 và giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị. Anh N1 vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh N1. Anh N1 có địa chỉ tại địa bàn huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Anh Phan Văn N1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn N1.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị N và anh N1 có đăng ký kết hôn năm 1996 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, chị N xin ly hôn với anh N1 căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Ly hôn”.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh N1 không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ anh chị chung sống không hạnh phúc từ năm 1996 đến nay, nguyên nhân do anh N1 đam mê cờ bạc dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn không thuyên giảm mà ngày càng trầm trọng. Anh N1 không còn quan tâm đến chị và các con. Anh chị không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Chị N yêu cầu ly hôn với anh N1 Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho chị N và anh N1 hàn gắn tình cảm nhưng không được. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Chị N được ly hôn với anh N1.

[4] Về con chung: Chị N và anh N1 có hai con chung Phan Ngọc Khả T, sinh ngày 15/10/1996 và Phan Ngọc Minh T, sinh ngày 04/01/2009. Cháu Khả T

hiện đã trưởng thành. Cháu Minh T trình bày là cháu muốn sống chung với mẹ. Xét yêu cầu xin nuôi của chị N Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Minh T có nguyện vọng được sống chung với mẹ, cháu đang có cuộc sống ổn định và chị N có khả năng tài chính, có thu nhập đảm bảo được tương lai và cuộc sống cho cháu Minh T sau này. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Minh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh N1 được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Từ Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Từ Cẩm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Cẩm N được ly hôn với anh Phan Văn N1.
2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Ngọc Minh T, sinh ngày 04/01/2009 cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Phan Văn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Từ Cẩm N phải chịu 300.000đ án phí HNST. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15339 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị N đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Kim Loan